TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Bà Ký Bé Lài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1974 (có mặt).

Bị đơn: Ông Tô Văn C, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng cư trú tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày: Vào năm 1994 bà và ông Tô Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây bà và ông C thường xuyên xãy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được, mỗi lần vợ chồng cự cãi thì ông C đánh bà, có lần ông C đánh bà phải nhập viện điều trị. Bà xét thấy cuộc sống giữa bà và ông C không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tô Văn C.

Về con chung: Bà và ông C có 04 người con chung tên Tô Thị B, sinh ngày 09/8/1995; Tô Thị N, sinh ngày 15/6/1997; Tô Ngọc X, sinh ngày 02/02/2003 và

Tô Tiền B1, sinh ngày 29/7/2011. Đối với Tô Thị B và Tô Thị N đã thành niên và có đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi Tô Ngọc X và Tô Tiền B1, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà L đồng ý giao hai người con chung là Tô Ngọc X và Tô Tiền B1 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 11 năm 2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Tô Văn C trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẩn gia đình đúng như bà L trình bày, ông thừa nhận trong quá trình chung sống ông nhiều lần đánh bà L và có lần đánh bà L ông bị chính quyền địa phương xử lý hành chính. Bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: có 04 người con chung đúng như bà L trình bày. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Tô Ngọc X và Tô Tiền B1, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tô Văn C, yêu cầu yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Bà Võ Thị L và ông Tô Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà L và ông C không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị L và ông Tô Văn C.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Võ Thị L và ông Tô Văn C có 04 người con chung tên Tô Thị B, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1995; Tô Thị N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1997; Tô Ngọc X, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2003 và Tô Tiền B1, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011. Đối với Tô Thị B và Tô Thị N đã thành niên và có đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với Tô Ngọc X và Tô Tiền B1 bà L đồng ý giao cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên tòa ông C đồng ý nuôi dưỡng hai người con chung tên Tô Ngọc X và Tô Tiền B1. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà L và ông C là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp

với nguyện vọng của hai người con chung thể hiện tại các bản tự khai ngày 29 tháng 11 năm 2018 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà L và ông C, giao người hai con chung tên Tô Ngọc X, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2003 và Tô Tiền B1, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011 cho ông Tô Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải nộp 300.000đ, bà L đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị L và ông Tô Văn C.

- Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị L và ông Tô Văn C, giao hai người con chung tên Tô Ngọc X, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2003 và Tô Tiền B1, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011 cho ông Tô Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007343 ngày 31tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm , các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều